

## TƯ LIỆU

## NGUYỄN TRƯỜNG TỘ QUA ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ THẤT KỶ

Cao Tự Thanh\*

Trước nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ được tiến hành, nhiều tư liệu về Nguyễn Trường Tộ được công bố. Nhưng có lẽ ít người biết rằng *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ* (trở xuống viết tắt là *Chính biên Đệ thất kỷ*) cũng có ghi chép về ông, nên xin giới thiệu ở đây một trong những ghi chép ấy để những người quan tâm có thêm tư liệu tham khảo.

*Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ* của Quốc sử quán triều Nguyễn viết về đời vua Khải Định (1916-1925) là bộ cuối cùng trong hệ thống *Đại Nam thực lục* của triều Nguyễn. Bài biểu dâng sách ngày 10 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 14 (18/1/1940) của Kiêm quản Phạm Quỳnh, Tổng tài Lê Nhữ Lâm và Toàn tu Nguyễn Hữu Tỳ có một đoạn nói rõ nội dung ghi chép và quá trình biên soạn bộ sử này: “Chép từ tháng 4 năm Bính Thìn (1916) đến tháng 9 năm Ất Sửu (1925), ghi năm chép truyện, việc đã sát lại không sai, soạn từ tháng 8 năm Nhâm Thân (1932) đến tháng 10 năm Kỷ Mão (1939), đặt lệ phát phàm, văn mới tường mà đúng thể”. Bộ sử này đã được khắc in, nhưng hoặc chưa khắc xong, hoặc ván in đã bị thất lạc, nên hiện chỉ có một phần nhỏ gồm 13 tấm (26 trang) mộc bản đang được lưu giữ ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 4, thành phố Đà Lạt. Văn bản chúng tôi đọc là bản chép tay trọn vẹn duy nhất hiện được biết tới của bộ sử này, đang được lưu giữ ở Thư viện Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Paris, ký hiệu Viet/A/Hist/10, gồm 10 quyển, tất cả hơn 1.400 trang.

Giống như các bộ *Đại Nam thực lục* khác, *Chính biên Đệ thất kỷ* được tổ chức thành các đơn vị ghi chép độc lập (tạm gọi là điều), tất cả gồm 1.160 điều, trong đó có bốn điều nhắc tới Nguyễn Trường Tộ là 0389, 1054, 1083 và 1135. Sau đây là bản dịch toàn văn điều 1083.

\*  
\*      \*

Năm Giáp Tý, Khải Định thứ 9 (1924 Tây lịch)... Tháng 12... Tòa Công sứ Nghệ An xin lấy tên Cao Xuân Dục, Nguyễn Trường Tộ đặt tên cho trường học (vì Xuân Dục, Trường Tộ đều là người Nghệ An, vốn có tiếng tăm). Vua cho như lời xin.

Phụ lục sự trạng Nguyễn Trường Tộ để bị khảo.

\* Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Tộ người Bùi Ngõa, Nghệ An, sinh năm 1828 Tây lịch (năm Minh Mạng thứ 9),<sup>(\*)</sup> ông cha nho phong thanh bạch. Cha là Nguyễn Quốc Thư, làm nghề thầy thuốc, theo đạo Gia tô. Lúc nhỏ thụ nghiệp với Tú tài Giai trong xã, gặp sách hay giải chỗ khó, có tiếng thần đồng. Đến khi lớn lên theo học với Đinh Trọng Tĩnh ở Kim Khê (tức thầy Cống Hữu) ba năm, đọc sách nhất nhất cốt cầu hiểu rõ nghĩa lý. Kế theo học với Huyện doãn Địa Linh hưu trí Mỗ, làm văn là hạ bút thành chương. Một hôm thầy trò lên Lô Sơn cùng nhau xướng họa, Tộ một mình lặng lẽ ngồi trên cao, chợt hỏi: “Núi này cao bao nhiêu thước, rộng bao nhiêu thước, cách đảo Song Ngư<sup>(\*\*)</sup> bao nhiêu thước?”, mọi người đều im lặng không trả lời. Tộ cười nói: “Đi chơi núi mà không biết núi cao bao nhiêu thì sở học dùng để làm gì!”, Huyện doãn càng coi trọng. Giám mục Ngô Gia Hậu nghe tiếng thông minh dinh ngộ dẫn về nhà thờ, dạy cho khoa học. Tộ lúc nhỏ cũng giỏi cái học khoa cử, lúc ấy có tiếng là Trạng Tộ (tục gọi là thầy Lân) nhưng vì là giáo sĩ nên không được ứng thí.

Năm Tự Đức thứ 13 (1860 Tây lịch) lệnh cấm Gia tô rất nghiêm, Giám mục Hậu đưa Tộ qua Tây vào yết kiến Giáo hoàng Pius IX,<sup>(1)</sup> đội ơn được tặng một trăm bộ sách. Về sau lại lưu học ở thành Paris nước Pháp mấy năm, khảo cứu chính trị, văn học, kỹ nghệ nước Pháp rất có sở đắc, kể về nước. Pháp-Nam gây hấn, Pháp sù muốn thu dụng, Tộ ra sức từ chối, kể tình trạng bản quốc hiện thời tạm hòa là thượng sách nên ủy khuất mà theo, cố gắng giúp đỡ việc nghị hòa. Đến khi Đại Đồn thất thủ, Pháp sù ủy thác làm việc văn từ, tuy như mũi tên trên dây cung nhưng lời lẽ vẫn một gọi quan triều hai gọi quân triều, phàm quan triều bị làm nhục ắt coi như cha mẹ, ngấm ngấm an ủi thu xếp cho. Lần ấy giảng hòa, hai bên qua lại vài mươi lần, phàm giấy tờ của người Tây có chỗ không khiêm tốn Tộ đều bỏ đi hết, nếu lời lẽ có ích cho việc nước thì giải thích rõ thêm vào. Đến khi hòa ước khó thành, Tộ quyết ý bỏ chức, chối từ không nhận lộc. Pháp sù dùng chức quan cao dụ dỗ nhưng Tộ vẫn từ chối, đại khái không phải có chí theo giúp họ lâu. Kế nhân Phạm công Phú Thứ tới Gia Định, Tộ dâng *Thiên hạ đại thế luận*, *Tế cấp luận*, *Giáo môn luận*.

\* Về quê quán và năm sinh của Nguyễn Trường Tộ hiện vẫn có chỗ khác nhau giữa các nhà nghiên cứu. Về quê quán, Lê Thuộc cho ông là người thôn Bùi Chu; Đinh Văn Chấn cho ông ở Bùi Ngõa; Nguyễn Trường Cửu lại nói ông là người “Đoài Giáp, người ta quen gọi là Xã Đoài”. Bùi Chu và Bùi Ngõa là hai làng ở cạnh nhau, nay cùng thuộc xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Địa danh Đoài Giáp nay không còn. Riêng Xã Đoài là tên gọi của một đơn vị Công giáo: xứ và hạt Xã Đoài, và cũng là tên của trụ sở giáo phận Vinh: Nhà chung Xã Đoài. Về năm sinh của Nguyễn Trường Tộ, Lê Thuộc và hầu hết các tác giả khác đều cho là ông sinh năm 1828 (năm Minh Mạng thứ 9). Riêng Nguyễn Trường Cửu, không nói năm sinh, nhưng lại viết ông “mất ngày 10 tháng 10 năm Tự Đức thứ 24..., thọ 41 tuổi”. Thực ra, Lê Thuộc ở cuối bài viết của mình cũng cho Nguyễn Trường Tộ “thọ 41 tuổi”. Nếu Nguyễn Trường Tộ mất năm Tự Đức thứ 24, tức năm 1871 và thọ 41 tuổi, thì ông phải sinh vào năm 1830, chứ không thể năm 1828 được. Theo: *Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo*, tác giả Trương Bá Cần, bản trên mạng [quansuvn.net](http://quansuvn.net). BBT.

\*\* Lô Sơn, còn gọi núi Lò, nằm sát cửa biển Cửa Lò; đảo Song Ngư ở bên ngoài cửa Hội khoảng 4km, nay đều thuộc thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. BBT.

Từ năm Tự Đức thứ 15 trở đi Tộ có nhiều điều trần không chỉ ngàn vạn lời, đại ý xin giao thông với các nước châu Âu, phái học sinh sang Tây, lập trường kỹ nghệ ở các tỉnh để thay cái học từ chương khoa cử, đặt ra văn tự của bản quốc để thay chữ Hán, xây dựng kinh thành và tỉnh thành để phòng lúc hoãn cấp, khai mỏ sắt mỏ than, lập Viện Dục anh, mở hội Đấu xảo, làm sổ khai sinh khai tử giá thú, đặt trường vũ bị tới các khoản về đề chính, nông chính, tài chính, diêm chính, kiểm lâm, đo ruộng, thuế xa xỉ, thay đổi hương chính, đề nén cường hào, cấm việc phong thủy, cấm sách sấm vĩ rất nhiều, đều là chính tay viết ra, nay còn giữ ở Nội các và Quốc sử quán bốn năm tập.

Tháng 2 năm Tự Đức thứ 19 Tộ dâng lời bẩm cho quan tỉnh Nghệ An cung lục tâu lên, phụng châu phê nói “Nguyễn Trường Tộ cũng có thể dùng, hay nên trao chức quan để thu lòng mà dùng sức”. Tháng 3 năm thứ 19 Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ tâu nói đã từng hỏi han bọn Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Hoàng, xem lời lẽ ý tứ đều có lòng không quên gốc, nhưng theo lời Nguyễn Trường Tộ thì nắm chất yếu đuối khó theo lệnh bên tâu, không dám liêu nhận chức quan, chỉ xin ở ngoài, nhưng nếu có sứ mệnh thì không dám từ chối. Tháng 5, chuẩn cho theo Lang trung Hồ Văn Long đi các nơi từ Quảng Bình trở ra Bắc, tới sơn phận Hải Dương khai thác mỏ than. Tháng 7, Thương bạc nghị thảo thư gửi Tây sứ, phụng châu phê nói “Giao cho Trường Tộ tra cứu thảo dịch xem có hợp không, hoặc có châm chước bàn luận thế nào”. Tháng 8 năm ấy (1866 Tây lịch) phái Tộ và bọn Ngô Gia Hậu, Nguyễn Điều qua Tây mua sách vở máy móc, một quyển *Địa chất các tầng*, một quyển *Thiên văn đồ họa*, một quyển *Môi khoáng* và *Kim châu ngọc thạch*, một quyển *Địa đồ tự vựng*, sách về hàng hải, máy điện báo,<sup>(2)</sup> đo đạc cùng một bộ la bàn, một cái máy chụp ảnh<sup>(3)</sup> và các loại bình, hai cái máy điện báo cùng các hạng sách vở, còn lại là Ngô Gia Hậu mua. Đến khi về đội ơn cấp cho 50 lượng vàng, 1 đồng kim tiền, 5 đồng ngân tiền, một cái áo màu lam hẹp tay, một tấm the Nam trơn màu bảo lam, một tấm trùu Nam dệt hoa màu tuyết bạch. Kế ủy nhiệm Tộ làm thử các phép nấu quặng sắt.

Tháng 2 năm thứ 21 [1868], đình thần dâng phiến chọn phái bộ qua Tây 17 viên, lại kính chuẩn cho Trường Tộ theo làm việc. Đến khi về bề tôi Cơ mật viện tâu nói căn cứ tờ kê trình của Nguyễn Trường Tộ thì Giáo sư kỹ nghệ tên Ca Xanh<sup>(4)</sup> tháp tùng cùng về xin tạo cơ khí kỹ nghệ, hoặc để xem tinh tú, hoặc để tìm địa lợi, phụng lời châu phê nói “Đã mang về nên cho làm để tránh phụ lòng họ. Nay nên dựng trường dạy học cạnh nhà Sứ quán, lại hỏi các giáo sĩ khác mang về tên gì nghề gì, mỗi tháng cấp phí bao nhiêu, những việc theo quy cách nước Tây đã nhất nhất hỏi rõ thì làm, đừng để họ chờ lâu sẽ chê cười nước ta”. Nhưng khoản ấy theo lời đình nghị cho rằng lương tháng của giáo sư 300 đồng thì quá nhiều, làm cũng vô ích.

Tháng 10 năm thứ 23 [1870], Tộ gửi quan tỉnh Nghệ An Ngụy Khắc Đản đã quá cố một lá mật thư, đại khái nói về việc đặt Lãnh sự ở kinh thành nước Tây. Đình nghị cho rằng nếu thế thì họ cũng sẽ đặt Lãnh sự ở nước ta, thế không thể từ chối, không tránh khỏi sinh sự. Tộ lại gửi mật thư

cho Thự Tổng đốc Nghệ An Tôn Thất Triệt bẩm xin đi sứ sang nước Pháp (Phủ) và tới các nước Anh, Nga, Áo, Phổ thăm dò sự tình, lại nói rõ các lẽ với các Thượng nghị viện, Hạ nghị viện.<sup>(5)</sup> Phụng lời châu phê nói “Nên bàn việc phái qua Tây thế nào cho chu tất ổn thỏa tâu lại, đừng để mất thời cơ”. Cơ mật viện, Thương bạc tâu lại, nói việc lớn quân quốc cần phải thương nghị cho chu đáo bí mật, nay nếu ủy viên ấy qua các nước phương Tây thám sát, nếu có chuyện gì chưa chu đáo e lại nảy sinh điều trở ngại khác. Kế Tổng đốc Bình Định Thân Văn Nhiếp, Tổng đốc Bình Thuận Nguyễn Uy, Tổng đốc Nghệ An Hoàng Tá Viêm đều có mật tấu dâng lên, ý kiến khác nhau, việc bèn chìm đi.

Tháng Giêng năm thứ 24, Nghệ An cấp ngựa trạm sức cho Tộ tới kinh để dẫn học sinh sang Tây. Tộ tới kinh, kể vì bệnh xin về quê tĩnh dưỡng. Tháng 3, Tộ bí mật điều trần một bản, phụng châu phê nói “Nói nhiều điều khả thủ, cũng có nhiều điều khả nghi”. Tháng 5, Tộ lại điều trần, phụng lời châu phê nói “Tộ sợ triều đình không dùng nên tìm nhiều cách để nói, mong được thu nhận”. Tháng 9, Tộ lại bẩm với Hộ đốc Nghệ Tĩnh về các khoản canh cải, số trang rất nhiều, phụng châu phê nói “Tộ cũng tự phụ hơn người, nhưng làm việc biến pháp ắt có biến động. Cứ giữ như cũ cũng đủ để trị bình, cần gì phải khinh suất đi vòng như Lâm Xuyên.<sup>(6)</sup> Kính đấy”. Tháng 10 năm ấy (1871 Tây lịch), Trường Tộ chết, thọ 43 tuổi, lúc chết thổ ra một cục máu lớn. Có con là Nguyễn Trường Cửu, cháu nội là bọn Nguyễn Trường Văn, Nguyễn Trường Vũ.

Trường Tộ thông minh dĩnh ngộ, thông hiểu chữ Latin, Anh Cát Lợi, trong đó chữ Hán chữ Pháp càng là sở trường. Từ nhỏ thận trọng kết giao, đoạn tuyệt tài sắc, không cầu nổi tiếng, lớn lên đi khắp các nước, các vấn đề cách trí không gì không khảo cứu, đặc biệt để ý tới đại thế thiên hạ tung hoành phân hợp, ngày thường phân nhiều kết nạp các nhà chính trị Âu Mỹ, mưu để nước ta dùng. Tộ thường dâng sớ tự tiến cử, nói có thể chỉ huy vạn người.

Tộ giỏi về thơ, gởi Phan Thanh Giản có câu “*Quảng Yên ngư phủ sinh hà cửu - Quảng Yên cá chảo làm sao sống*” (năm Tự Đức thứ 14, Tộ trình bày với Phan công về chiến sự ở Quảng Yên), “*Gia Định lưu minh kỹ dĩ cùng - Gia Định lừa kêu*<sup>(7)</sup> đã hết tài” (chỉ bọn Trương Định). Lại có thơ rằng “*Dung chúc tây thôn khởi vị bản, Biệt gia cơ trữ nhận lai chân. Đông lân doanh*<sup>(8)</sup> *cầm như tương vấn, Tận bả kim thoa*<sup>(9)</sup> *tử tế trần*” (Dệt mướn thôn tây há bởi nghèo, Là xem khung dệt để làm theo. Nhà đông làm gấm như qua hỏi, Sẽ lấy thoi vàng nói cách gieo). Lại có câu “*Nhật nguyệt tuy vô hồi chiếu xứ, Quỳ tâm nhưng hữu hướng dương đam*” (Ánh nhật tuy không nơi chiếu tới, Lòng quỳ vẫn hướng bóng dương xoay). Người bạn là Tri phủ Phan từng lấy ý làm nội ứng để khích, Tộ lấy việc Dục Nhuận không chịu làm việc dễ mà làm việc khó<sup>(10)</sup> để trả lời. Tộ từng nói “Mỗi khi đọc tới thư Lý Lăng gởi Tô Vũ<sup>(11)</sup> chưa từng không sa lệ dựng tóc, cho là nhất thời lỡ bước mà ôm hận trọn đời, bậc kỳ sĩ không gặp hội tao phùng mà thân danh đều tan nát, một đi không trở lại, chỉ còn đem cát vàng cổ trắng

chôn vùi chí khí hừng hực lâm ly mà thôi”, đó là lời Tộ trần tình ngày 20 tháng 3 năm Tự Đức thứ 16. Phàm những lời điều trần đội ơn được Dục Tông Anh Hoàng đế thu nhận chọn dùng, Tộ cũng chưa từng coi là không gặp được vua sáng, nhưng thời khác việc trái, nhiều người nghi kỵ, không thể thi hành sở học, tiếc thay!

Hiện ở mỏ than Quảng Yên, Kênh Sắt<sup>(12)</sup> Bùi Ngõa (ở Nghệ An. Lúc đầu Kênh Sắt lâu năm đào chưa xong, nhiều lần đội ơn khiển trách. Tổng đốc Hoàng Kế Viêm gửi thư xin Tộ tới khám. Tộ nói dưới đất giữa Thiên Thành và Tây Yên có một tảng đá chặn ngang to vài mươi ôm, nên đào vòng qua để tránh. Vì thế đổi hướng đào tiếp, trong một tháng hoàn thành), nhà thờ Xã Đoài (ở Nghệ An. Quy chế đều theo kiểu châu Âu, qua 18 tháng xây xong), nhà tu kín Sài Gòn<sup>(13)</sup> (kỹ sư dự trù 300.000 đồng, Tộ làm Đốc công chỉ mất 100.000 đồng thì xây xong), cột cờ thành Gia Định (lúc Pháp sục ở Gia Định xây thành triệu Tộ tới vẽ bản đồ, việc xong Pháp sục muốn thu dụng, Tộ từ chối. Tộ lúc ở Sài Gòn từ trên lầu ngã xuống, có tật ở chân), vẫn còn di tích của Tộ.

Tháng 12 năm Khải Định thứ 9, chuẩn y lời xin của quý Trú sứ Nghệ An lấy tên Nguyễn Trường Tộ đặt tên cho trường học. Tháng 8 năm Khải Định thứ 10, chuẩn đặc cách truy thụ Hàn lâm viện Trực học sĩ, đại khái là hậu ý biểu dương kỷ niệm bậc chí sĩ vậy.

Lời dụ văn truy thụ Nguyễn Trường Tộ là Hàn lâm viện Trực học sĩ năm Khải Định thứ 10 viết:

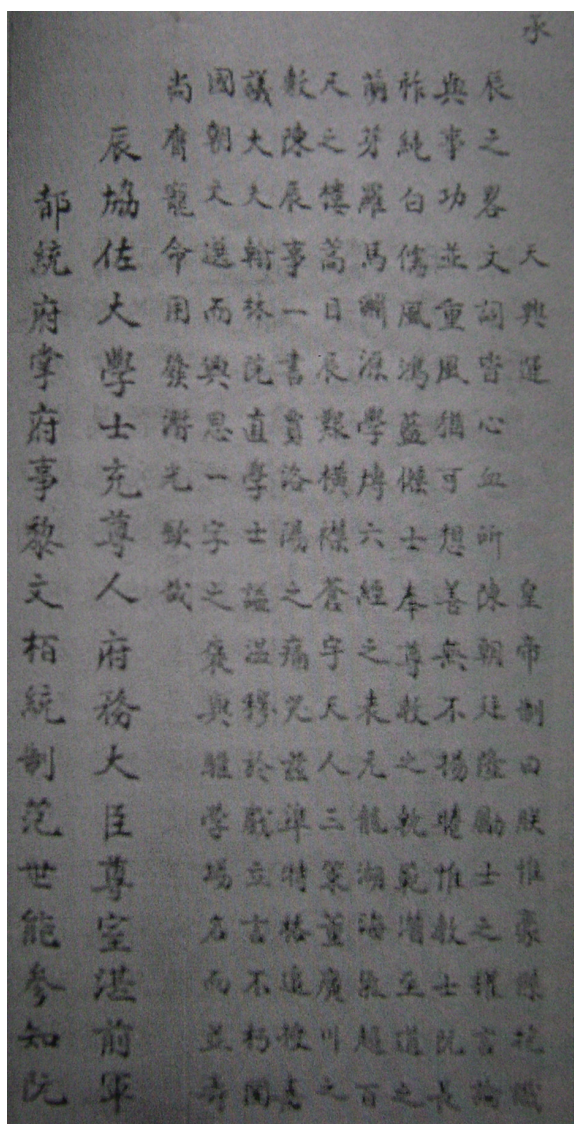
*Thừa thiên hưng vận, hoàng đế chế viết:*

*Trẫm duy hào kiệt bão thức thời chi lược, văn từ giai tâm huyết sở trần, triều đình long lệ sĩ chi quyền, ngôn luận dữ sự công tịnh trọng. Phong do khả tướng, thiện vô bất dương. Quyển duy giáo sĩ Nguyễn Trường Tộ: thuần bạch nho phong, Hồng Lam kiệt sĩ. Phụng tôn giáo chi chấp phạm, tiềm chí đạo chi mạnh nha. La Mã uyên nguyên, học bác lục kinh chi biểu, Nguyên Long hồ hải, khí siêu bách xích chi lâu. Hao mục thời nan, hoành khâm thương vũ. Thiên nhân tam sách, Đồng Quảng Xuyên chi phu trần, thời sự nhất thư, Giả Lạc Dương chi thống khốc. Tư chuẩn đặc cách truy thụ Gia Nghị đại phu Hàn lâm viện Trực học sĩ, thụ Ôn Mục. Ô hô, lập ngôn bất hủ, duyệt quốc triều văn tuyển nhi hưng tư, nhất tự chi bao, dữ Hoan học trường danh nhi tịnh thọ. Thượng ứng dụng mệnh, dĩ phát tiềm quang. Khâm tai.*

Dịch nghĩa:

“Nhân trời dấy vận, hoàng đế ban lời chế rằng:

Trẫm nghĩ hào kiệt tài năng kinh tế, văn từ đều tâm huyết phơi bày, triều đình khích lệ anh tài, lời lẽ cùng công nghiệp đều trọng. Phong tư còn nhớ, điều hay phải nêu. Nghĩ giáo sĩ Nguyễn Trường Tộ: Kiệt sĩ Lam Hồng, nho phong thanh bạch. Kính theo khuôn phép tôn giáo, ngậm mang mầm mống đạo hàng. Hồ hải Nguyên Long,<sup>(14)</sup> khí chí quá lâu trăm thước,



Lời dụ văn truy thụ Nguyễn Trường Tộ chép trong *Đại Nam thực lục chính biên* *Đệ thất kỷ*.

cội nguồn La Mã, học vấn ngoài chỗ sáu kinh. Lo đời mất cay, nhớ vua lệ chảy.<sup>(15)</sup> *Thiên nhân tam sách*, giống Đồng Quảng Xuyên<sup>(16)</sup> tỏ bày, thời sự một thư, tựa Giả Lạc Dương<sup>(17)</sup> khóc lớn. Nay chuẩn đặc cách truy thụ là Gia Nghị đại phu Hàn lâm viện Trục học sĩ, ban tên thụ là Ôn Mục. Than ôi, lập ngôn bất hủ, đọc văn tuyển của quốc triều<sup>(18)</sup> tư tưởng dấy lên, một chữ đủ khen, cùng trường học ở Hoan Châu tiếng tăm lưu mãi. Hãy tuân mệnh sáng, để rạng hồn thiêng. Kính thay!”<sup>(19)</sup>

Ngoài lời dụ văn truy thụ, nội dung phần Phụ lục trên đây là trùng khít với Phụ lục III (*Biên khảo bổ túc vào tiểu sử của Nguyễn Trường Tộ*) trong công trình *Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo* của Trương Bá Cần (Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 445-448). Theo Trương Bá Cần, phần Phụ lục này có tên là *Phụ lục bị khảo* trong một văn bản chữ Hán chép tay hiện được lưu giữ ở Thư viện Viện Sử học, ký hiệu Hv 189/4, “chỉ là bản sao chép lại, bản chính không biết ở đâu, không ghi tác giả. Chương Thâu và Đặng Huy Vạn nói là của Đinh Văn Cháp”. Có thể nghĩ kết luận ấy là xác đáng, vì ngoài ba người đứng đầu việc biên soạn ký tên trong bài biểu dâng

sách đã nêu trên kia, phần *Chức danh những người biên soạn* trong *Chính biên* *Đệ thất kỷ* còn ghi nhận một viên Toàn tu khác là “Thị lang sung Quốc sử quán Toàn tu thân Đinh Văn Cháp”. Có lẽ ngoài bản giao cho Quốc sử quán, Đinh Văn Cháp còn giữ lại bản thảo về tiểu sử của Nguyễn Trường Tộ, bản thảo ấy chính là tiền thân của phần *Phụ lục bị khảo* trong bản Hv 189/4 nói trên.

\*  
\* \*

Là một giáo dân Thiên chúa đồng thời từng cộng tác với người Pháp ở Nam Kỳ nên không được triều đình Tự Đức tin cậy, Nguyễn Trường Tộ phải biện minh bằng bài thơ “Dệt mướn thôn tây há bởi nghèo”. Theo đuổi một



Mộ phần của Nguyễn Trường Tộ tại Bùi Chu, Nghệ An.  
Nguồn: Internet

cái học “ngoài chỗ sáu kinh” đúng vào lúc quốc gia phong kiến Việt Nam bị hút vào quỹ đạo xâm lăng của chủ nghĩa thực dân phương Tây, những người yêu nước theo xu hướng canh tân ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX như ông đã bị đặt vào một hoàn cảnh lịch sử ở đó tiến trình chính trị và tiến trình văn hóa trong đất nước không còn song hành như trong quá khứ. Không lạ gì mà sau khi mất Nguyễn Trường Tộ hầu như hoàn toàn rơi vào quên lãng và chỉ bắt đầu được nhắc tới khi những trào lưu

canh tân mới được đẩy lên trên cơ sở những điều kiện cụ thể của xã hội thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Việc ghi nhận một cách trân trọng về Nguyễn Trường Tộ trong *Chính biên Đệ thất kỷ* do đó là sản phẩm khách quan của quá trình tái cấu trúc xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khi tất cả các nhóm xã hội ở Việt Nam đều bị lịch sử đặt trước những ngã ba đường. Những giá trị đa nghĩa như Nguyễn Trường Tộ do đó đã được triều đình Khải Định và Bảo Đại kiểm nghiệm lại trong hoàn cảnh và theo nhận thức của họ, ở đó để tồn tại thì họ vừa phải thỏa hiệp vừa phải chống chọi với ngoại nhân...

Từ một khía cạnh khác, có thể nói thêm rằng “giáo sĩ” Nguyễn Trường Tộ không phải là nhân vật Thiên chúa giáo duy nhất được triều Nguyễn đời Khải Định vinh danh. Năm 1920 đặc chuẩn truy thụ Trương Vĩnh Ký hàm Tham tri Bộ Lễ. Năm 1924, vào các dịp lễ kỷ niệm hưng quốc (kỷ niệm ngày Gia Long chiếm lại Phú Xuân năm 1801) và lễ Tứ tuần đại khánh của mình, vua Khải Định đều cấp tiền cho các chức sắc đạo Thiên chúa làm lễ ở nhà thờ Phủ Cam. Năm 1925 chuẩn cho Tham tri Bộ Lễ nguyên sung Phụ tế cơ vụ đại thần Linh mục Nguyễn Hoàng được truy thụ hàm Thượng thư, lại truy phong là Hoàng Tế nam; Tham tri Bộ Lễ gia hàm Thượng thư nguyên Khâm sai Tuyên phủ sứ Linh mục Trần Lục được truy thụ hàm Thượng thư, lại truy phong là Phát Diệm nam; Quang lộc tự thiếu khanh nguyên sung Tham tá Thương bạc Linh mục Nguyễn Hữu Cư được truy thụ Hữu Thị lang Bộ Lễ... Hơn thế nữa, song song với sự lùi bước của Nho giáo và Nho học trên vùng Trung Bắc, từ Thượng thư Bộ Lễ kiêm Thống lãnh Thị vệ đại thần Micae Ngô Đình Khả đời Thành Thái đến Cơ mật viện viện trưởng kiêm Thượng thư Bộ Lại Vêrô Giude Nguyễn Hữu Bài đời Khải Định rồi Nam Phương hoàng hậu Marie Têrêsa Nguyễn Hữu Thị Lan đời Bảo Đại, sau đời Đồng Khánh những ảnh hưởng

Thiên chúa giáo còn liên tục thấm sâu hơn vào nhiều sinh hoạt của triều đình nhà Nguyễn, tình hình này dường như lại ít nhiều được tái hiện với một dáng cách méo mó và trong những hình thức cực đoan nơi chính sách tôn giáo của chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, đó là một vấn đề nằm ngoài phạm vi của bài viết này.

Tháng 7/2012

C T T

## CHÚ THÍCH

- (1) Nguyên bản chép là “Ý Đại Lợi Hoàng đế Phi Ô đệ cửu”, đây dịch như trên. Vị Giáo hoàng này còn có tên chữ Pháp là Pie IX, đây dịch Pius IX là theo tên chữ Latin.
- (2) Nguyên bản chép là “Điện khí thông tiêu”.
- (3) Nguyên bản chép là “Quang học tả chân”.
- (4) Nguyên bản viết là “Ca Xanh”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh chữ Pháp.
- (5) Nguyên bản chép là “chư công hầu thứ dân nghị viện”.
- (6) Lâm Xuyên: tức Vương An Thạch, người Lâm Xuyên, Giang Tây thời Tống, giữ chức Tế tướng dưới đời Tống Thần Tông, đề ra biến pháp khá toàn diện về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục... nhưng không thực hiện được, đến khi Tế tướng kế nhiệm là Tư Mã Quang chấp chính thì biến pháp ấy hoàn toàn bị thủ tiêu.
- (7) Lừa kêu: Liễu Tôn Nguyên, *Tam giới*, chép đất Kiềm không có lừa, có người hiểu sự chớ một con lừa tới thả vào rừng. Cọp nhìn thấy hình dáng to lớn sợ lắm, ngỡ là thần. Một hôm lừa hí, tiếng nghe vang rền, cọp càng sợ. Nhưng lâu ngày cọp quen dần, mon men tới gần trêu chọc, lừa nổi giận co chân đá. Cọp mừng rỡ nói “Té ra tài nghệ cũng chỉ có thế”, bèn xông vào cắn cổ giết chết lừa, ăn hết thịt rồi bỏ đi. Văn chương xưa thường dùng điển “Kiềm lưu chi kỹ” (tài nghệ của con lừa đất Kiềm) chỉ kẻ tài năng tầm thường, đây ý nói Trương Định đã hết cách để chống Pháp.
- (8) Nguyên bản chép là “cung” (cung điện), có chỗ tối nghĩa, ngỡ là “doanh” (kinh doanh) bị chép lầm, đây tạm đính như trên.
- (9) Nguyên bản chép là “châm” (kim), có chỗ không hô ứng với phần tiền giải, ngỡ là “thoa” (thoi) bị chép nhầm, đây tạm đính như trên.
- (10) Tư Mã Thiên, *Sử ký*, Thích khách liệt truyện chép Dự Nhượng theo Trí Bá, sau Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng mưu giết Triệu Tương Tử để báo thù, bèn sơn mình giả làm người hủi, nuốt than giả làm người câm, ăn xin ở chợ, người quen cũ không ai nhận ra. Chỉ có một người bạn nhận ra, khuyên Dự Nhượng nên giả theo Triệu Tương Tử, dần dần được tin cậy gần gũi thì dễ ra tay hơn. Dự Nhượng nói “Đã làm tôi người ta rồi tìm cách giết người ta là mang hai lòng để thờ vua. Điều tôi làm vốn rất khó nhưng tôi làm thế này để cho hạng làm tôi thờ vua hai lòng trong thiên hạ về sau phải hổ thẹn”.
- (11) Lý Lăng là cháu nội danh tướng Lý Quảng thời Hán, đem 5.000 quân đánh Hung Nô, bị 80.000 quân Hung Nô bao vây, thế cùng lực kiệt phải đầu hàng, được Thiển Vu Hung Nô gả con gái cho. Hán Vũ Đế được tin tức giận giết chết mẹ, em trai và vợ con Lăng. Tô Vũ là đại thần nhà Hán đi sứ Hung Nô, bị Thiển Vu Hung Nô bắt giữ sai đi chặn dê suốt 19 năm vẫn không chịu khuất phục. Tương truyền lúc Tô Vũ bị giữ ở Hung Nô, có lần Lý Lăng làm tiệc mời Vũ, trong tiệc rơi nước mắt ngâm một bài thơ ý nói chỉ nhất thời tạm theo Thiển Vu để tìm cơ hội lập công, không ngờ bị vua giết cả nhà, muốn về cũng không về được, bài thơ ấy có khi được gọi là thư Lý Lăng gửi Tô Vũ.
- (12) Nguyên bản chép là “Thiết Căng”.
- (13) Nguyên bản chép là “Sài Gòn Ni cô viện”, tức Tu viện dòng thánh Phaolô ở số 4 đường Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.
- (14) Hồ hải Nguyên Long: Nguyên Long tức Trần Đăng, tự Nguyên Long, người Hạ Bì thời Đông Hán, có chí cứu đời, trong niên hiệu Kiến An làm Thái thú Quảng Lăng. Hứa Phạm có lần

bàn luận về nhân vật với Lưu Bị, nói Nguyên Long là kẻ sĩ hồ hải nhưng hào khí không đủ. Bị hỏi lý do, Phạm nói có lần qua Hạ Bì gặp nhau, Nguyên Long không giữ lễ chủ khách, mình thì nằm trên giường cao, cho khách nằm giường thấp. Bị nói “Ông có tiếng là quốc sĩ mà không lưu tâm tới việc cứu đời, chỉ lo sắm ruộng mua nhà, lời lẽ không có câu nào dùng được. Đó là Nguyên Long còn nể mặt đấy, chứ nếu là kẻ tiểu nhân thì sẽ nằm trên lầu cao trăm thước để ông nằm dưới đất, chứ há chỉ giường cao giường thấp mà thôi sao”. Đây có ý ca ngợi Nguyễn Trường Tộ có chí cứu đời.

- (15) Nhớ vua lệ chảy: lấy ý câu trong bài *Văn Trương Trục Giảng Thánh hành nhĩ thủ* của Hoàng Công Độ thời Nam Tống “Bồ nhân tụng di ái, Nam vọng lệ hoành khâm” (Lê dân còn nhớ chúa, Lệ chảy vọng trời nam).
- (16) Đồng Quảng Xuyên: tức Đồng Trọng Thư, người Quảng Xuyên tỉnh Hà Bắc, học giả Nho học nổi tiếng thời Hán, dưới đời Hán Vũ Đế dự thi khoa Hiền lương làm bài đối sách *Thiên nhân tam sách*, nội dung là đề nghị cải cách, trong đó nhấn mạnh việc cải cách giáo dục, đây dùng ví với các điều trần canh tân của Nguyễn Trường Tộ.
- (17) Giả Lạc Dương: tức Giả Nghị, người Lạc Dương, làm Thái phó cho Lương Hoài Vương ở Trường Sa đời Hán Văn Đế, chết năm 33 tuổi, có *Quá Tần luận* tổng kết khá có hệ thống về lịch sử hưng vong của nhà Tần, phân tích khá toàn diện về công tội được mất trong chính trị nhà Tần, được coi là tác phẩm bình luận chính trị xuất sắc bậc nhất ở Trung Quốc thời cổ, đây dùng ví với tác phẩm *Thiên hạ đại thế luận* của Nguyễn Trường Tộ.
- (18) *Văn tuyển của quốc triều*: có lẽ là bộ *Đại Nam văn uyển thống biên hậu biên*. *Đại Nam thực lục chính biên Đế thất kỷ* có một điều chép: “Năm Canh Thìn, Khải Định thứ 5 (1920)... Tháng 2. Sai Quốc sử quán và Nội các hội đồng sưu tập các văn thể từ đời Tự Đức trở về sau (như sách, mệnh, chiếu, cáo, tiên, biểu, thư, sớ, bi ký, lộ bố, tẩn, tụng, tự, bạt), chiếu theo môn loại sắp xếp thành quyển nhan đề *Đại Nam văn uyển thống biên hậu biên* dâng lên ngự lãm (từ đời Tự Đức trở về trước đã chuẩn soạn định sách *Đại Nam văn uyển thống biên*, đến lúc ấy đặc biệt sai soạn tiếp, về sau soạn xong nhưng chưa từng khắc in)”, có lẽ một số tác phẩm của Nguyễn Trường Tộ đã được đưa vào sách này.
- (19) Nguyên bản chép đoạn từ “Lời dụ văn...” đến hết bài dụ bằng chữ lưỡng cước.

## TÓM TẮT

*Đại Nam thực lục chính biên Đế thất kỷ* của Quốc sử quán triều Nguyễn viết về đời vua Khải Định (1916-1925) là bộ cuối cùng trong hệ thống *Đại Nam thực lục* của triều Nguyễn. Bộ sử này đã được khắc in, nhưng hoặc là chưa khắc xong, hoặc ván in đã bị thất lạc, nên văn bản trọn vẹn duy nhất hiện được biết đến của bộ sử này là bản chép tay đang lưu giữ ở Thư viện Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Paris.

Bài này trích dịch toàn văn phần phụ lục về hành trạng của Nguyễn Trường Tộ trong *Đại Nam thực lục chính biên Đế thất kỷ*. Ngoài đóng góp về mặt tư liệu, những ghi chép về Nguyễn Trường Tộ qua phần phụ lục này còn cho thấy những biến chuyển trong nhận thức của vua quan triều Nguyễn trước những thay đổi của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.

## ABSTRACT

### NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

#### THROUGH THE ANNALS OF ĐẠI NAM [THE MAIN PART], THE SEVENTH REIGN

*The Annals of Đại Nam [the Main Part], the Seventh Reign*, written about Emperor Khải Định (1916-1925) by the National historiographers' office of the Nguyễn Dynasty was the final book in the set of *the Annals of the Đại Nam*. That book was engraved for printing, but either it has not finished yet or the wood blocks were lost, the only complete manuscript of that history book is now preserved in the Library of the École Française d'Extrême-Orient in Paris.

This article excerpts the whole text of the appendix of *The Annals of Đại Nam [the Main Part], the Seventh Reign* about Nguyễn Trường Tộ's activities. This appendix, apart from documentary contribution, shows us the changes in the conceivability of the Nguyễn Emperor and his mandarins about the changes of Vietnam society in the early twentieth century.